

Số: 225/2020/BHHC-TCHC

V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát
xét năm 2020 .

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0214 6294668
Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Thành Hưng**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0989000303

Loại công bố thông tin:

<input type="checkbox"/>	24 giờ
<input type="checkbox"/>	72 giờ
<input type="checkbox"/>	Bất thường
<input type="checkbox"/>	Theo yêu cầu
<input checked="" type="checkbox"/>	Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà ngày 14/08/2020 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Hưng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-28



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thập	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Số: 120820.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được lập ngày 20 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 9 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 số tiền 10,15 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 10,88 tỷ VND). Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 trên báo cáo tài chính do hai bên chưa thống nhất được số liệu. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết về các khoản lãi có thể phát sinh này nên không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 213,67 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 153,84 tỷ VND), kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 tiếp tục bị lỗ, lỗ lũy kế tại 30/06/2020 là âm 82,12 tỷ VND (tại 01/01/2020 là âm 41,78 tỷ VND), nợ quá hạn chưa thanh toán tại 30/06/2020 là 16,75 tỷ VND. Dấu hiệu này cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

1. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ về các vấn đề sau:
 - Công ty chưa điều chỉnh số liệu theo kiến nghị tại Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 07/05/2018 của Cục thuế tỉnh Lào Cai;
 - Công ty chưa hạch toán khoản lãi chậm trả có thể phát sinh do chậm thanh toán khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Licogi số 18.
2. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty chưa hạch toán khoản lãi chậm trả có thể phát sinh do chậm thanh toán khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Licogi số 18.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.524.898.388	31.877.891.625
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	351.930.575	1.202.905.924
111	1. Tiền		351.930.575	1.202.905.924
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	7.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	7.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		36.031.486.689	21.609.954.881
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	26.176.584.506	10.856.435.972
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.445.622.437	5.459.152.437
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.409.279.746	5.294.366.472
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.141.481.124	2.065.030.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.141.481.124	2.065.030.820
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.829.626.240.502	1.880.132.382.080
220	II. Tài sản cố định		1.829.150.672.058	1.879.161.542.316
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	1.829.150.672.058	1.879.161.542.316
222	- Nguyên giá		2.599.627.955.465	2.599.627.955.465
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(770.477.283.407)	(720.466.413.149)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		475.568.444	970.839.764
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	475.568.444	970.839.764
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.867.151.138.890	1.912.010.273.705

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.289.074.292.504	1.293.593.673.518
310	I. Nợ ngắn hạn		251.198.117.852	185.715.498.866
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	14.058.770.266	14.898.669.756
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	16.943.514.283	14.469.483.441
314	3. Phải trả người lao động		799.239.928	990.972.462
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	9	66.633.527.454	19.902.747.699
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	2.805.651.827	1.400.327.829
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	149.757.414.094	133.853.297.679
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		200.000.000	200.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.037.876.174.652	1.107.878.174.652
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		39.120.000.000	44.120.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	998.756.174.652	1.063.758.174.652
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		578.076.846.386	618.416.600.187
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	578.076.846.386	618.416.600.187
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		660.000.000.000	660.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		660.000.000.000	660.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		200.000.000	200.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(82.123.153.614)	(41.783.399.813)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(41.783.399.813)	42.912.761
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(40.339.753.801)	(41.826.312.574)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.867.151.138.890	1.912.010.273.705

Hà Thị Thùy

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

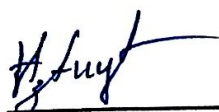
Lào Cai, ngày 20 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	78.317.936.848	72.565.848.106
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.317.936.848	72.565.848.106
11	4. Giá vốn hàng bán	17	57.213.682.657	58.704.922.994
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.104.254.191	13.860.925.112
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	46.430.010	223.809.063
22	7. Chi phí tài chính	19	58.770.121.420	62.254.955.477
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		58.751.453.215	62.229.771.662
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.748.487.836	4.757.459.963
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(40.367.925.055)	(52.927.681.265)
31	11. Thu nhập khác		28.171.254	27.398.862
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		28.171.254	27.398.862
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(40.339.753.801)	(52.900.282.403)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(40.339.753.801)	(52.900.282.403)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(611)	(802)


Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 20 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(40.339.753.801)	(52.900.282.403)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		50.010.870.258	49.986.469.220
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(46.430.010)	(223.809.063)
06	- Chi phí lãi vay		58.751.453.215	62.229.771.662
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		68.376.139.662	59.092.149.416
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.421.531.808)	(20.991.547.161)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.920.419.882	(3.918.757.610)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.418.821.016	61.181.340
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	(16.918.448.209)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.588.058.724)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(505.311.802)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.200.478.226	17.324.577.776
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(9.620.935.884)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.430.010	223.809.063
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.046.430.010	(9.397.126.821)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		47.385.670.839	4.912.927.087
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(96.483.554.424)	(58.002.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(49.097.883.585)	(53.089.072.913)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(850.975.349)	(45.161.621.958)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.202.905.924	49.685.878.257
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	351.930.575	4.524.256.299

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 20 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 660.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 660.000.000.000 đồng; tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất truyền tải điện và phân phối điện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 213,67 tỷ VND (tại ngày 01/01/2020 là 153,84 tỷ VND), kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 tiếp tục bị lỗ, lỗ lũy kế tại 30/06/2020 là âm 82,12 tỷ VND (tại 01/01/2020 là âm 41,78 tỷ VND), nợ quá hạn chưa thanh toán tại 30/06/2020 là 16,75 tỷ VND. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá và đưa ra kế hoạch trong vòng 12 tháng tới như sau:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ;
- Tiếp tục sử dụng các dòng tiền từ các khoản vay tín dụng chưa hết hạn mức vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai; khai thác thêm các nguồn vốn vay tín dụng hỗ trợ từ các khách hàng Công ty cổ phần Tập đoàn SOVICO; Công ty Cổ phần Đại Phát và Công ty TNHH MTV Năng lượng Sovico Quảng Ngãi;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty là lãi khoảng 43,49 tỷ VND được phê duyệt bởi Nghị quyết 131/2020/BQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty đang trong lộ trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	09 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12 năm

2.7 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế TNDN 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế TNDN phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất truyền tải điện và phân phối điện diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	20.067.857	73.068.695
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	331.862.718	1.129.837.229
	<u>351.930.575</u>	<u>1.202.905.924</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Tại thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ, số dư chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" là công nợ phải thu Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	-	4.837.568.040	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xây dựng GNG	250.000.000	-	250.000.000	-
- Các khách hàng khác	358.054.397	-	371.584.397	-
	<u>5.445.622.437</u>	<u>-</u>	<u>5.459.152.437</u>	<u>-</u>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>4.837.568.040</u>	<u>-</u>	<u>4.837.568.040</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

6 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.675.633.438.378	803.366.900.147	120.627.616.940	2.599.627.955.465
Số dư cuối kỳ	1.675.633.438.378	803.366.900.147	120.627.616.940	2.599.627.955.465
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	258.684.488.274	393.342.307.768	68.439.617.107	720.466.413.149
- Khấu hao trong kỳ	18.959.789.022	25.823.455.494	5.227.625.742	50.010.870.258
Số dư cuối kỳ	277.644.277.296	419.165.763.262	73.667.242.849	770.477.283.407
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.416.948.950.104	410.024.592.379	52.187.999.833	1.879.161.542.316
Tại ngày cuối kỳ	1.397.989.161.082	384.201.136.885	46.960.374.091	1.829.150.672.058

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.829.150.672.058 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.413.433.952 đồng.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	1.389.646.793	-	1.192.937.613	-
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.962.767.224	-	4.074.280.085	-
Phải thu khác	56.865.729	-	27.148.774	-
	4.409.279.746	-	5.294.366.472	-

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí dọn hạ lưu	681.842.100	1.590.964.900
Chi phí bảo hiểm	459.639.024	474.065.920
	1.141.481.124	2.065.030.820
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	465.826.447	902.962.540
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.741.997	67.877.224
	475.568.444	970.839.764

9 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	51.633.527.454	9.470.132.963
- Chi phí lãi vay phải trả ân hạn (*)	15.000.000.000	10.000.000.000
- Chi phí phải trả khác	-	432.614.736
	66.633.527.454	19.902.747.699
b) Chi phí phải trả dài hạn		
- Chi phí lãi vay phải trả ân hạn (*)	39.120.000.000	44.120.000.000
	39.120.000.000	44.120.000.000

(*) Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với số tiền 54.120.000.000 VND, trong đó bao gồm 5.000.000.000 VND đã quá thời hạn thanh toán và 10.000.000.000 VND có thời hạn thanh toán vào tháng 06 năm 2021. Khoản lãi vay ân hạn này không bị tính lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 (*)	10.147.739.302	10.147.739.302	10.876.680.203	10.876.680.203
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779	986.008.779	986.008.779
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
- Các đối tượng khác	2.305.773.656	2.305.773.656	2.416.732.245	2.416.732.245
	14.058.770.266	14.058.770.266	14.898.669.756	14.898.669.756
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18	10.147.739.302	10.147.739.302	10.876.680.203	10.876.680.203
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779	986.008.779	986.008.779
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
	11.752.996.610	11.752.996.610	12.481.937.511	12.481.937.511
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	1.605.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

(*) Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 tại ngày 30/06/2020 số tiền khoảng 10,15 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là khoảng 10,88 tỷ VND). Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 do hai bên chưa thống nhất được số liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm (Đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.977.727.136	7.330.454.451	6.622.719.937	-	3.685.461.650
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	777.291.194	-	505.311.802	-	271.979.392
Thuế Thu nhập cá nhân	-	61.192.662	119.171.392	149.191.372	-	31.172.682
Thuế Tài nguyên	-	1.931.176.774	9.265.743.289	3.328.620.187	-	7.868.299.876
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.722.095.675	867.505.008	4.503.000.000	-	5.086.600.683
	-	14.469.483.441	17.582.874.140	15.108.843.298	-	16.943.514.283

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND	(Đã điều chỉnh) VND
- Kinh phí công đoàn		128.753.288	86.051.340
- Bảo hiểm xã hội		47.709.973	77.593.997
- Bảo hiểm y tế		7.842.603	10.169.772
- Bảo hiểm thất nghiệp		3.687.512	5.558.432
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra tiền điện chưa kê khai ⁽ⁱ⁾		2.617.658.451	1.210.148.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		-	10.805.888
		2.805.651.827	1.400.327.829

(i) Số dư cuối kỳ là thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa phát hành hóa đơn tháng 06 năm 2020 (Số dư đầu kỳ của tháng 12 năm 2019).

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
Thôn Lũng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

13 . VAY

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	15.481.554.424	15.481.554.424	47.385.670.839	32.481.554.424	30.385.670.839	30.385.670.839
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai ⁽¹⁾	15.481.554.424	15.481.554.424	14.885.670.839	15.481.554.424	14.885.670.839	14.885.670.839
- Công ty cổ phần Tập đoàn SOVICO	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đại Phát ⁽²⁾	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Năng lượng Sovico Quảng Ngãi ⁽³⁾	-	-	20.000.000.000	7.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	118.371.743.255	118.371.743.255	65.002.000.000	64.002.000.000	119.371.743.255	119.371.743.255
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽⁴⁾	86.367.743.255	86.367.743.255	49.000.000.000	48.000.000.000	87.367.743.255	87.367.743.255
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai ⁽⁵⁾	32.004.000.000	32.004.000.000	16.002.000.000	16.002.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000
	133.853.297.679	133.853.297.679	112.387.670.839	96.483.554.424	149.757.414.094	149.757.414.094
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽⁴⁾	835.066.213.042	835.066.213.042	-	48.000.000.000	787.066.213.042	787.066.213.042
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai ⁽⁵⁾	347.063.704.865	347.063.704.865	-	16.002.000.000	331.061.704.865	331.061.704.865
	1.182.129.917.907	1.182.129.917.907	-	64.002.000.000	1.118.127.917.907	1.118.127.917.907
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(118.371.743.255)	(118.371.743.255)	(65.002.000.000)	(64.002.000.000)	(119.371.743.255)	(119.371.743.255)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	1.063.758.174.652	1.063.758.174.652	-	1.063.758.174.652	998.756.174.652	998.756.174.652

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 13538/19MB/HĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 20/11/2020;
 - + Lãi suất cho vay: quy định theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 14.885.670.839 VND;
 - + Các khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện số 05/2012/HĐ-NMĐ-TĐ Bắc Hà ngày 19 tháng 05 năm 2012 và các phụ lục kèm theo.
- (2) Hợp đồng vay vốn số 313/2020/HĐV/DAIPHAT-BH ngày 31 tháng 03 năm 2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 2.500.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/09/2020;
 - + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.500.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐV/SVCQN-BH ngày 25 tháng 03 năm 2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 20.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/10/2020;
 - + Lãi suất cho vay: 10,4%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 13.000.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(4) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 ngày 30 tháng 10 năm 2006, kèm Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017 ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc tăng hạn mức tín dụng, điều chỉnh kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi và các Phụ lục hợp đồng khác, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 1.129.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: thanh toán chi phí dự án Thủy điện Bắc Hà;
- + Thời hạn vay: 162 tháng kể từ khi giải ngân lần đầu năm 2007 và được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến năm 2027;
- + Lãi suất cho vay: bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm bình quân và lãi suất biên là 3,6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 787.066.213.042 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 87.367.743.255 VND;

(5) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(a) Hợp đồng tín dụng số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; Hợp đồng sửa đổi số 01/2008/HĐSD ngày 09 tháng 07 năm 2008 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà; Hợp đồng sửa đổi số 02/2010/HĐSD ngày 23 tháng 11 năm 2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2012/HĐSD ngày 29 tháng 06 năm 2012; và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung 04/2012/HĐSDBS ngày 03 tháng 07 năm 2012; số 05/2013/HĐSDBS ngày 06 tháng 03 năm 2013; số 06/2013/NĐTĐĐT-NHPT ngày 03 tháng 12 năm 2013:

- + Hạn mức tín dụng: 156.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng, mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin máy phát (nếu có) theo đúng nội dung dự án đầu tư được phê duyệt;
- + Thời hạn cho vay: 168 tháng kể từ khi giải ngân lần đầu năm 2007 và được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến năm 2027;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 90.353.969.500 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 15.000.000.000 VND.

(b) Hợp đồng vay vốn số 02/2009 ngày 13 tháng 06 năm 2009 kèm theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 04/2011/PLHĐTD ngày 13/03/2011; số 01/2011/HĐTD-ĐTBS-NHPT ngày 31/08/2011 và các Phụ lục khác, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 315.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: đầu tư các hạng mục dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà;
- + Thời hạn vay: 120 tháng kể từ khi giải ngân lần đầu năm 2009 và được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến năm 2027;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất trong hạn được áp dụng cho từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 240.707.735.365 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 17.004.000.000 VND.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	660.000.000.000	-	10.342.912.761	670.342.912.761
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(52.900.282.403)	(52.900.282.403)
Phân phối lợi nhuận	-	200.000.000	(400.000.000)	(200.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	660.000.000.000	200.000.000	(42.957.369.642)	617.242.630.358
Số dư đầu kỳ này	660.000.000.000	200.000.000	(41.783.399.813)	618.416.600.187
Lỗ trong kỳ này	-	-	(40.339.753.801)	(40.339.753.801)
Số dư cuối kỳ này	660.000.000.000	200.000.000	(82.123.153.614)	578.076.846.386

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần	44,11%	291.130.830.000	44,11%	291.130.830.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	24,19%	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000
Các cổ đông khác	31,70%	209.203.170.000	31,70%	209.203.170.000
	100%	660.000.000.000	100%	660.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	660.000.000.000	660.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	660.000.000.000	660.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	660.000.000.000	660.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

e) Các quỹ công ty

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	200.000.000	200.000.000
	200.000.000	200.000.000

15 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m² bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu điện phát lưới	78.317.936.848	72.565.848.106
	78.317.936.848	72.565.848.106

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn phát điện	57.213.682.657	58.704.922.994
	57.213.682.657	58.704.922.994

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	46.430.010	223.809.063
	46.430.010	223.809.063

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	58.751.453.215	62.229.771.662
Chi phí tài chính khác	18.668.205	25.183.815
	58.770.121.420	62.254.955.477

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.856.025.657	3.681.714.318
Chi phí khác bằng tiền	892.462.179	1.075.745.645
	2.748.487.836	4.757.459.963

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(40.339.753.801)	(52.900.282.403)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Chi phí không hợp lệ	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(40.339.753.801)	(52.900.282.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	-	(271.979.392)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	777.291.194	271.979.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(505.311.802)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	271.979.392	-

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(40.339.753.801)	(52.900.282.403)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(40.339.753.801)	(52.900.282.403)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(611)	(802)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.489.668.276	9.223.250.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.010.870.258	49.986.469.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.380.823.986	466.678.982
Chi phí khác bằng tiền	2.080.807.973	3.785.984.395
	59.962.170.493	63.462.382.957

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	351.930.575	-	1.202.905.924	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.585.864.252	-	16.150.802.444	-
Các khoản cho vay	-	-	7.000.000.000	-
	<u>30.937.794.827</u>	<u>-</u>	<u>24.353.708.368</u>	<u>-</u>
			Giá trị số kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			1.148.513.588.746	1.197.611.472.331
Phải trả người bán, phải trả khác			16.864.422.093	16.298.997.585
Chi phí phải trả			105.753.527.454	64.022.747.699
			<u>1.271.131.538.293</u>	<u>1.277.933.217.615</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	351.930.575	-	-	351.930.575
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.585.864.252	-	-	30.585.864.252
	<u>30.937.794.827</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>30.937.794.827</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.202.905.924	-	-	1.202.905.924
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.150.802.444	-	-	16.150.802.444
Các khoản cho vay	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
	<u>24.353.708.368</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>24.353.708.368</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lũng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	149.757.414.094	567.012.000.000	431.744.174.652	1.148.513.588.746
Phải trả người bán, phải trả khác	16.864.422.093	-	-	16.864.422.093
Chi phí phải trả	66.633.527.454	39.120.000.000	-	105.753.527.454
	233.255.363.641	606.132.000.000	431.744.174.652	1.271.131.538.293
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	133.853.297.679	536.016.000.000	527.742.174.652	1.197.611.472.331
Phải trả người bán, phải trả khác	16.298.997.585	-	-	16.298.997.585
Chi phí phải trả	19.902.747.699	44.120.000.000	-	64.022.747.699
	170.055.042.963	580.136.000.000	527.742.174.652	1.277.933.217.615

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	Cùng cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	Cùng cổ đông lớn

Công ty có các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.837.568.040	4.837.568.040
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	4.837.568.040
Phải trả người bán ngắn hạn	1.605.257.308	1.605.257.308
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	206.360.461	197.410.257
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	435.259.764	312.206.131

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u> VND	
Bảng Cân đối kế toán			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14.469.483.441	8.369.680.707
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.400.327.829	7.500.130.563



Hà Thị Thùy

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 20 tháng 07 năm 2020